

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Trường Giang

Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L (L), sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị L (L) trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn T ngày 09/11/2009 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau, anh T ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình có dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26/4/2010; Lê Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/7/2016. Hiện nay cả ba con đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị đang ở cùng bố, mẹ chị, có nhà ở và các điều kiện sinh hoạt đầy đủ đảm bảo để nuôi các con chị được tốt.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Anh T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của chị L (Lựu). Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại địa phương và gia đình anh Thủy xác định anh T biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị L (Lựu).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng

pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Lê Thị L (Lựu) được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung đề nghị giao cho chị L (Lựu) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung. Anh Thủy không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L (Lựu) phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh T đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thủy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L (Lựu) và anh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng hai bên không có biện pháp nào để khắc phục. Xác minh Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L (Lựu) và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị L (Lựu) xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T vắng

mặt không đến Tòa án làm việc thể hiện anh T cố tình gây khó khăn cho chị L (Lựu) và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L (Lựu) được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26/4/2010; Lê Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/7/2016. Xét hiện nay cả ba con đang ở cùng chị L (Lựu) ổn định, các con tuổi còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh T không có quan điểm của mình về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con cần giao cho chị L (Lựu) trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này nếu anh T có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Hiện nay chị L đang làm công nhân có thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc các con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L (Lựu) về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L (Lựu) không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L (Lựu) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L (Lựu) được ly hôn anh Lê Văn T.
2. Về nuôi con chung: Chị L (Lựu) được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con là Lê Thị Huyền T, sinh ngày 26/4/2010; Lê Thị Như Q, sinh ngày 11/12/2012 và Lê Minh Q, sinh ngày 22/7/2016. Hiện nay cả ba con đang ở cùng chị L (Lựu). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L (Lựu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L (Lựu) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002490 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L (Lựu) đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Khương Đặng Khánh Hằng

